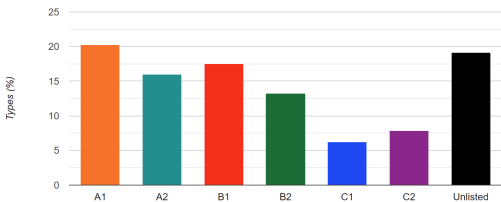
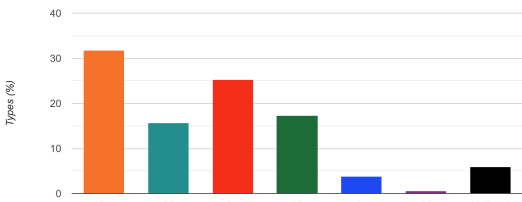


ĐÁNH GIÁ SƠ LƯỢC GIỮA ĐỀ MINH HOẠ VÀ ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT 2025 MÔN TIẾNG ANH

(Web thang đo: <https://textinspector.com/>)

Tiêu chí	Bài thi tốt nghiệp THPT 2025	Bài thi minh họa
Readability scores (đo độ khó của văn bản cho người đọc) Flesch-Kincaid Grade Level Flesch Reading Ease	14.08 (tương đương năm 2 đại học) 27.33 (tương đương bậc sau đại học)	13.5 (tương đương năm nhất đại học) 33.6 (tương đương bậc đại)
So sánh với trình độ bậc 3 trên khung năng lực 6 bậc về: Chủ đề văn bản	Văn bản này không hoàn toàn phù hợp với năng lực bậc 3. Thay vì là văn bản thông tin đơn giản, bài viết này có thể hiện quan điểm, có tính lập luận, cùng các khái niệm trừu tượng. Chủ đề có thể xa lạ với người học ở trình độ bậc 3.	Văn bản gần với dạng văn bản thuyết minh đơn giản, giải thích một hiện tượng toàn cầu quen thuộc. Tuy nhiên, đoạn văn vẫn chứa một số thuật ngữ học thuật và câu văn phức tạp có thể gây khó khăn cho người học ở trình độ B1.
Từ vựng	 Có rất nhiều từ ở mức độ học thuật cao và mang tính ẩn dụ ví dụ: decarbonization, mounting scrutiny, token investments, sleight of hand, soothing lullaby of half-truths... Những từ này chiếm một lượng khá lớn trong bài đọc và vượt xa nhóm từ vựng thường gặp ở cấp độ 3.	 Sử dụng từ phổ biến, cụ thể hơn mặc dù vẫn có một số từ học thuật và cụm từ cố định (rural migration, far-reaching impacts, adequate public facilities...). Tuy vượt quá cấp độ 3, nhưng nhiều từ được sử dụng rộng rãi hoặc có thể đoán nghĩa từ ngữ cảnh. Văn bản này cũng tránh sử dụng các thành ngữ canned, giữ nguyên cách diễn đạt theo nghĩa đen.
Cấu trúc câu	Chứa cấu trúc câu phức tạp và cú pháp đa dạng. Nhiều câu khá dài và có nhiều mệnh đề phụ, sử dụng mệnh đề phụ thuộc, cụm phân từ và các dấu ngắt câu như gạch ngang (dash) và dấu phẩy. Ví dụ, một câu kéo dài qua nhiều mệnh đề và có phần chèn định nghĩa giữa câu bằng dấu gạch ngang. Văn bản cũng sử dụng mệnh đề nhượng bộ và đối lập (như “yet...”, “whereas denial invites opposition, greenwashing lulls the public...”), làm tăng độ khó khi xử lý câu. Người học B1, vốn quen với các	Hầu hết sử dụng câu văn rõ ràng, có cấu trúc chặt chẽ, dù đôi khi dài. Đoạn văn thường tuân theo kiểu trình bày quen thuộc: câu nguyên nhân – kết quả và các liên từ chỉ trình tự. Ví dụ, nó sử dụng liên từ đẳng lập và từ nối như “For example...”, “By contrast...”, “As a result...”, giúp người đọc định hướng ý. Câu phức có xuất hiện (như mệnh đề phụ “when city governments have forests cut down...” hoặc mệnh đề quan hệ “slums, where the quality of life is very poor”), nhưng được sắp xếp hợp lý. Mặc dù độ dài trung bình của câu khá cao (~20 từ), nhưng nhờ

	câu ghép đơn giản, có thể bị quá tải với những cấu trúc này.	dấu câu và từ nối, câu được chia thành các phần dễ xử lý hơn. Người học B1 có thể gặp khó khăn với một số cấu trúc học thuật hơn (như cách dùng “of which” trong “a process, of which the causes and the effects should be fully comprehended” – một cấu trúc trang trọng).
Tính liên kết	Tính liên kết trong văn bản dựa nhiều vào các tín hiệu ngôn ngữ tinh tế. Việc dùng đại từ và từ đồng nghĩa để duy trì liên kết đòi hỏi kỹ năng suy luận cao (ví dụ: hiểu rằng “this tactic” ám chỉ “greenwashing” đã được mô tả trước đó, hay “Such corporate sleight of hand” là cách tổng kết các hành vi của doanh nghiệp nêu ở trên). Tác giả còn sử dụng câu hỏi tu từ (“Why does this matter?”) và lối lập luận đối lập để điều hướng lập luận. Dù văn bản có dòng chảy logic (giới thiệu vấn đề → ví dụ → phân tích sâu hơn → hậu quả), nhưng không sử dụng tín hiệu rõ ràng, mà yêu cầu người đọc tự theo dõi các kết nối ngầm và thay đổi giọng điệu (từ miêu tả sang phê phán). Người học B1, vốn cần các dấu hiệu liên kết rõ ràng, sẽ khó theo kịp mạch lập luận. Họ có thể bỏ lỡ mối liên hệ giữa các ý (như mối liên quan giữa greenwashing và việc trì hoãn hành động vì biến đổi khí hậu) vì cách lập luận có tính trừu tượng và không được đơn giản hóa rõ ràng.	Đoạn văn này có tổ chức tốt, với các dấu hiệu liên kết rõ ràng, hỗ trợ người đọc trình độ trung cấp. Văn bản phân chia ý thành các đoạn riêng biệt (nguyên nhân ở một đoạn, hậu quả ở đoạn sau, kết luận ở cuối) và sử dụng từ chỉ trình tự (“First,... Second,...”), từ nối nguyên nhân – kết quả (“as a result”, “due to”) và ví dụ cụ thể để minh họa. Tính mạch lạc dễ theo dõi: Mỗi câu dẫn dắt hợp lý sang câu tiếp theo, và các mối quan hệ được trình bày một cách rõ ràng (ví dụ: thiên tai → mất mùa → nghèo đói ở nông thôn → di cư về thành phố được sắp xếp theo từng bước). Chính cấu trúc logic rõ ràng này giúp người học B1 dễ dàng nắm bắt ý chính, dù một vài từ còn lạ. Ngoài ra, sự xuất hiện của các ví dụ cụ thể (việc làm, khu vui chơi, khu ổ chuột) cũng giúp cung cấp ngữ cảnh, tăng khả năng hiểu. Tóm lại, sự rõ ràng và dòng chảy hợp lý của Đoạn 2 khiến nó dễ tiếp cận hơn nhiều đối với người học B1 so với bài thi tốt nghiệp 2025, vốn đòi hỏi năng lực ngôn ngữ và tư duy cao hơn.

Về mức độ khó của câu hỏi bài thi tốt nghiệp THPT 2025:

Question 20. According to paragraph 1, genuine decarbonisation

- A. is overlooked by corporations
- B. involves hiring an expert agency**
- C. is costly and demanding
- D. physically injures those involved

□ Mức độ: Dễ - kiểm tra thông tin trực tiếp trong bài đọc

Question 21. Which of the following best summarises paragraph 1?

- A. The exponential growth of greenwashing is attributable to the environmental benefits the strategy brings to major emitters.
- B. Large-emission enterprises prefer “net-zero” or “carbon-neutral” tags on their**

offerings over genuine decarbonisation.

C. Chief executives' opinions are divided on whether or not genuine decarbonisation should be consistently implemented.

D. The great pressure to soothe environmental claims urges high-emitting corporations to adopt greenwashing wisely.

□ Mức độ: Trung bình – hỏi ý chính nên cần khả năng tóm tắt, khái quát thông tin

Question 22. Which of the following is NOT stated as an example of greenwashed products or services?

A. net-zero bacon

B. non-degradable electronics

C. guilt-free flights

D. zero-impact fuel

□ Mức độ: Dễ - thông tin có trực tiếp trong bài

Question 23. The word **glossy** in paragraph 2 most nearly means

A. appealing but superficial

B. expensive but essential

C. confusing but engaging

D. costly but ineffective

□ Mức độ: Trung bình – không phải nghĩa đen, cần suy luận từ ngữ cảnh

Question 24. The word **They** in paragraph 2 refers to

A. oil and gas giants

B. the United States

C. regulations in Europe

D. rules on environmental claims

□ Mức độ: Dễ - câu hỏi trực tiếp từ ngữ cảnh, không cần suy luận, không đánh đố

Question 25. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3?

A. Were it not for genuine efforts to reduce emissions, rhetoric about greenwashing could not be brought to light.

B. Genuine efforts to reduce emissions cannot take the place of rhetoric without greenwashing being uncovered.

C. Not until genuine cuts to cut down on emissions are recognised could the truth about greenwashing be concealed.

D. No sooner did empty resolutions minimise emissions than the plain truth about greenwashing was elucidated.

□ Mức độ: khó – cần kỹ năng paraphrase – luôn là một kỹ năng khó

Question 26. According to the passage, the adoption of “green” paint by fossil-fuel companies is mentioned as

- A. a particular way to dispute the claims about environmental crisis
- B. a typical application of climate science
- C. a prompt response to public demand for eco-friendly products
- D. a specific example of greenwashing**

□ Mức độ: Trung bình – câu trả lời có trực tiếp trong bài nhưng cần phải hiểu “green paint-sprayer” – hình ảnh ẩn dụ

Question 27. Which of the following can be inferred from the passage?

- A. The profits that high-emitting firms reap from running a “green” marketing campaign provide them with resources to reinvest in renewable ventures.
- B. The perceived action created by greenwashing has stressed the urgency for meaningful regulatory and corporate changes to address climate change.
- C. Regulators have the necessary tools and resources to verify most environmental claims, which enables them to prevent misleading messages from reaching everyday consumers.**
- D. Increased public concern about environmental issues, coupled with their complacency with “eco-friendly” labelled products, contributes to the rise of greenwashing.

□ Mức độ: Khó - Câu hỏi suy luận, các đáp án rất dài, cần thời gian đọc và tư duy

Question 28. Where in the passage does the following sentence best fit?

Yet greenwashing is arguably more insidious.

- A. [I] B. [II] **C. [III]** D. [IV]

□ Mức độ: Trung bình – Học sinh cần hiểu logic của bài đọc, nhận diện từ nối.

Question 29. Which of the following best summarises the passage?

- A. Greenwashing has now been pervading everyday products and services, raising customers’ awareness of the urgent need to maintain sustainable developments.
- B. Major emitters have opted for open climate denials in preference to more sophisticated greenwashing to preserve profits and reputation instead of reforming their core operations.
- C. A new wave of greenwashing allows corporations to hide ongoing pollution behind reassuring eco-labels, diverting scrutiny from the rapid emission cuts considered vital by scientists.**
- D. Greenwashing has significantly grown in its scale and sophistication since its emergence, attracting considerable attention of both the general public and policymakers worldwide.

- Mức độ: Khó – tóm tắt toàn bộ bài đọc luôn cần tư duy khái quát và paraphrase tốt.